

NGHIÊN CỨU VĂN BIA Ở NINH BÌNH GÓP PHẦN BỔ SUNG, ĐÍNH CHÍNH CHO CHÍNH SỬ VÀ *ĐẲNG KHOA LỤC*

NGUYỄN KIM MĂNG *

1. Vài nét về văn bia tỉnh Ninh Bình

Cũng như các tỉnh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, tỉnh Ninh Bình là nơi còn bảo lưu được nhiều văn bia khắc chữ Hán, chữ Nôm. Theo kết quả khảo cứu của tác giả bài viết, toàn tỉnh Ninh Bình có 907 đơn vị văn bia (1). Ngoài số lượng văn bia không rõ về niên đại, thì văn bia sớm nhất trên địa bàn tỉnh xuất hiện vào thế kỉ thứ X, đó là các cột kinh Phật ở Hoa Lư. Theo Hà Văn Tấn: “Hiện nay, tài liệu về Phật giáo thế kỉ X rất ít. Bài chú Hoa Lư là một tài liệu quý. Có thể đây là một loại bi kí có niên đại sớm nhất của thời kì phong kiến tự chủ trong số các bi kí đã phát hiện từ trước đến nay” (2). Văn bia có niên đại muộn nhất ở Ninh Bình được dựng vào năm 1947.

Với gần 1.000 đơn vị văn bia, được phân bố qua 9 triều đại gồm triều Đinh (11 đơn vị), triều Tiền Lê (1 đơn vị), triều Lý (2 đơn vị), triều Trần (15 đơn vị), triều Lê sơ (8 đơn vị), triều Mạc (16 đơn vị), triều Lê Trung hưng (118 đơn vị), triều Tây Sơn (4 đơn vị), triều Nguyễn (565 đơn vị) và cuối cùng là giai đoạn sau Cách mạng 8-1945 (với 4 đơn vị).

Số văn bia trên được phân bố ở 8 huyện/thị của tỉnh. Hai huyện/thành phố có số bia nhiều nhất là Tp. Ninh Bình (218 đơn vị) và huyện Hoa Lư (218 đơn vị). Tiếp đó là huyện Gia Viễn (153 đơn vị), huyện

Yên Mô (107 đơn vị). Các huyện có số lượng ít hơn gồm: huyện Yên Khánh (96 đơn vị), huyện Nho Quan (62 đơn vị), huyện Kim Sơn (33 đơn vị) và ít nhất là Thị xã Tam Điệp (chỉ có 5 đơn vị). Trong số gần 907 đơn vị văn bia, bước đầu chúng tôi khảo sát, thống kê được khoảng 90 văn bia, tuy nhiên trong bài viết này, chúng tôi chỉ sử dụng 20 văn bia (*xem bảng 1*) được trích dẫn. Đó là các văn bia có tư liệu phục vụ cho bài viết đặt ở đền, miếu, lăng mộ. Đặc biệt ở Ninh Bình có một số cột kinh Phật được khai quật ở sông Hoàng Long. Số văn bia này phần lớn tập trung ở thành phố Ninh Bình, huyện Hoa Lư, Gia Viễn, Yên Khánh và Yên Mô.

2. Bổ sung thông tin về các nhân vật lịch sử

+ Đinh Tiên Hoàng: Tiểu sử, hành trạng và công lao của Đinh Tiên Hoàng được nhiều bộ sử xưa nay từng đề cập. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ĐVSKTT) ghi: “Tiên Hoàng đế, họ Đinh, tên húy là Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng con của Thứ sử châu Hoan Đinh Công Trứ, dẹp yên các sứ quân, tự lập làm Đế, ở ngôi 12 năm (968-979), bị nội nhân Đỗ Thích giết hại, thọ 56 tuổi táng ở Sơn lăng Trường Yên” (5). Trên văn bia, tôn hiệu của ông được nhắc đến sớm nhất ở nhóm cột kinh

*TS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm

do Đình Liễn cho khắc được khai quật ở ven sông Hoàng Long huyện Hoa Lư (6) là “Đại Thắng Minh hoàng đế 大勝明皇帝”. ở mỗi cột kinh, tên hiệu này được nhắc lại một lần, ví dụ: “Trước tiên chúc cho Đại

Nam và mãi giữ được ngôi báu /先祝大勝明皇帝永霸天南恒安寶位 (7); Và “Trước tiên chúc cho Đại Thắng Minh hoàng đế mãi trấn giữ trời Nam và thứ nữa để giúp rập cho cơ đồ Hoàng đế/先祝大勝明皇帝

Bảng 1: Số lượng văn bia ở tỉnh Ninh Bình được sử dụng trong bài viết

Stt	Tên bia	Kí hiệu ^{N⁰} (3)	Niên đại	Nơi lưu trữ hiện vật
1	<i>Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni</i> 佛頂尊勝加句靈驗陀羅尼	ST (4).1	Thế kỉ X	Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
2	<i>Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni</i> 佛頂尊勝加句靈驗陀羅尼	ST.2	Thế kỉ X	Bảo tàng Ninh Bình
3	<i>Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni</i> 佛頂尊勝加句靈驗陀羅尼	ST.3	Thế kỉ X	Bảo tàng Ninh Bình
4	<i>Tiền triều Đình Tiên Hoàng đế miếu công đức bi kí</i> 前朝丁先皇帝廟功德碑記	15853-15854	Hoàng Định thứ 9 (1608)	Đền vua Đinh Tiên Hoàng, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư
5	<i>Tiền triều Đình Tiên Hoàng đế công đức bi kí</i> 前朝丁先皇帝功德碑記	15855 -15856	Chính Hòa thứ 17 (1696)	Đền vua Đinh Tiên Hoàng, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư
6	<i>Sắc kiến Đình triều Tiên Hoàng đế lăng</i> 敕建丁先皇帝	15848	Minh Mệnh thứ 21 (1840)	Lăng mộ vua Đinh, núi Yên Mã, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư
7	<i>Hàm Nghi nguyên niên cửu nguyệt nhị thập nhật trùng tu</i> 咸宜元年九月貳拾日重修先帝陵	15867	Hàm Nghi thứ 1 (1885)	Lăng mộ vua Đinh, núi Yên Mã, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư
8	<i>Trùng tu tạo tác Thánh tượng tiền triều Lê Đại Hành Hoàng đế bi kí tính minh</i> 重修造作聖像前朝黎大行皇帝碑記並銘	15859 -15862	Hoàng Định thứ 12 (1611)	Đền vua Lê Đại Hành, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư
9	<i>Tam tôn miếu bi</i> 三尊廟碑	33157	Duy Tân thứ 1 (1907)	Đền thờ Đinh Diên, xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh
10	<i>Dã Hiên tiên sinh mộ biểu</i> 野軒先生墓表	42732 -42733	Cảnh Hưng thứ 42 (1781)	Nhà thờ họ Ninh, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô
11	<i>Chuyết Sơn thi tự</i> 拙山詩序	9533 - 9540	Cảnh Hưng thứ 42 (1781)	Núi Chuyết Sơn, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô
12	<i>Vinh Thịnh thập tứ niên Mậu Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí</i> 永盛十四年戊戌科進士題名記	1301	Bảo Thái thứ 2 (1721)	Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội
13	<i>Hoàng giáp công bản truyện</i> 黃甲公本傳	42729	Không niên đại	Từ đường họ Ninh, thôn Tám, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô
14	<i>Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung sử quán toàn tu, thụy Đông Dương, Vũ công chi mộ</i> 翰林院侍讀學士充史館纂修諡東暘武公之墓	39054	Không niên đại	Mộ Vũ Phạm Khải, xã Yên Mạc, huyện Yên Mô
15	<i>Tự Đức Giáp Tý quý đông hạ cán</i> 嗣德甲子冬下澣	ST.4	Tự Đức thứ 18 (1865)	Từ đường họ Vũ, xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh
16	<i>Vạn thế nhật nguyệt</i> 萬世日月	257	Đồng Khánh thứ 3 (1888)	Văn chỉ xã Yên Vệ, huyện Yên Khánh
17	<i>Đại khoa tông tự</i> 大科從祀	ST.5	Duy Tân Đinh Mùi (1907)	Văn từ xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh
18	<i>Trương Thái phó từ</i> 張太傅祠	ST.6	Không niên đại	Mộ Trương Hán Siêu, chân núi Dục Thúy, thành phố Ninh Bình
19	<i>Trần thái truyền Đôn Tẩu Trương Hán Siêu, Thăng Phủ thiên biểu</i> 陳太傅遷叟張漢超升甫阡表	29099	Tự Đức thứ 6 (1854)	Mộ Trương Hán Siêu, chân núi Dục Thúy, thành phố Ninh Bình
20	<i>Dương tộc văn kí</i> 楊族文記	29355	Thành Thái thứ 4 (1902)	Nhà thờ họ Dương xã Ninh Phúc, huyện Yên Khánh

Thắng Minh hoàng đế mãi làm chủ trời 永鎮天南次為匡佐帝(8); Hay “Trước tiên

chúc cho Đại Thắng Minh hoàng đế mãi trấn giữ trời Nam và thứ đến Khuông Liễn cũng giữ yên được lộc vị/先祝大勝明皇帝永鎮天南次為匡璉恒堅祿" (9). Sau khi dẹp yên các sứ quân, thống nhất đất nước lập nên triều Đinh, công việc đầu tiên mà Đinh Bộ Lĩnh làm là "chính danh", ông rời bỏ tước hiệu Vạn Thắng vương, lên ngôi Hoàng đế với tôn hiệu Đại Thắng Minh hoàng đế. Sự kiện này được ghi rõ trong ĐVSKTT như sau: "Bây tôi dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh hoàng đế" (10). Với sự xa cách về thời gian và tình hình khan hiếm sử liệu của thế kỉ X nói chung, thì những văn bia bổ sung cho thời kì này là rất có ý nghĩa và thật quý giá. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có 16 nơi thờ Đinh Tiên Hoàng, đáng chú ý là cụm di tích Cố đô Hoa Lư thuộc tại xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Tuy nhiên, số lượng văn bia hiện còn lưu giữ được tại các di tích không nhiều, nhưng thông qua nội dung cụm văn bia đã cung cấp cái nhìn tương đối bao quát về con người, tính cách cũng như công lao, sự nghiệp của vị vua này. Điều đó được thể hiện rõ trong bia *Tiền triều Đinh Tiên Hoàng đế miếu công đức bi kí*, khắc niên hiệu Hoàng Định thứ 9 (1608) do Tiến sĩ Nguyễn Lễ soạn, dựng tại đền Thượng thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình: "Sau Đinh Tiên Hoàng Hoàng đế, ứng điềm lành rồng vàng, nổi lên ở động Hoa Lư, cất trăm vạn nghĩa lũ, dẹp Mười hai sứ quân, đất đai nhân dân đều thuộc quyền cai quản. Khi thiên hạ bước đầu yên định, liền dựng quy chế triều đình, thành lập quân đội, diễn chương văn vật đều rục rỏ đáng để làm gương. Bậc đế vương chính thống nước Việt ta cũng bắt đầu từ đây, sau trải nhiều triều đại các thánh nối tiếp noi theo, cũng phỏng theo

quy mô, khuôn phép của triều Đinh, công đức lớn lao, đâu phải thêm thắt chi nhiều. Ấy là do [để lại] công lao tốt đẹp, nên dù lâu cũng chẳng thể nào quên; ấy là do có đức độ cao dày, nên việc báo đáp luôn đầy đặn vậy" (11). Thông qua nguồn tư liệu văn bia tại khu di tích Cố đô Hoa Lư cho biết khá rõ về các đợt trùng tu ngôi đền, đó là vào niên hiệu Hoàng Định thứ 9 (1608), niên hiệu Chính Hòa thứ 17 (1696) và niên hiệu Thiệu Trị thứ 3 (1843). Bên cạnh đó việc xây dựng, trùng tu lăng mộ của ông cũng được ghi lại rõ trên các văn bia đặt tại lăng mộ trên núi Yên Mã, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư như văn bia: *Sắc kiến Đinh triều Tiên Hoàng đế lăng* (12) được xây dựng vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) và vào ngày 20 tháng 9 năm (1885) niên hiệu Hàm Nghi thứ 1, ngôi lăng mộ lại tiếp tục tu sửa (13). Đinh Tiên Hoàng đế là một vị vua: "Tài năng sáng suốt hơn người, dũng lược nhất đời" (14), đó là ý kiến xác đáng mà sử thần Lê Văn Hưu đã nhận xét về ông trong ĐVSKTT.

+ Dương Hậu (Dương Vân Nga): Về thân thế, con người của bà ít được các bộ chính sử đề cập đến. Theo ĐVSKTT cho biết bà là một trong năm vị Hoàng hậu của vua Đinh Tiên Hoàng: "Lập 5 hoàng hậu (một là Đan Gia, hai là Trinh Minh, ba là Kiều Quốc, bốn là Cồ Quốc, năm là Ông)" (15). Tuy nhiên, không rõ bà là vị thứ mấy trong 5 vị Hoàng hậu nêu trên, rất có thể bà là hoàng hậu Đan Gia. Đến đời vua Lê Đại Hành, bà cũng là một trong năm vị Hoàng hậu của vị vua này, ĐVSKTT chép: "Năm Nhâm Ngọ, [Thiên Phúc] năm thứ 3 (982). Lập Hoàng thái hậu nhà Đinh là Dương thị làm Đại Thắng Minh hoàng hậu. Hậu là vợ của Tiên hoàng, mẹ đẻ của Vệ vương Toàn. Khi ấy, vua lấy được nước đem vào cung, đến

dây lập làm Hoàng hậu, cùng Phụng Càn Chí Lí Hoàng hậu, Thuận Thánh Minh Đạo Hoàng hậu, Trịnh Quốc Hoàng hậu, Phạm Hoàng hậu là 5 Hoàng hậu” (16). Như vậy, từ nguồn tư liệu chính sử chúng ta chỉ biết bà người họ Dương (là một trong năm vị Hoàng hậu của hai vua Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành) và có tên hiệu là “Đại Thánh Minh hoàng hậu”. Qua khảo sát, nghiên cứu nguồn tư liệu văn bia tại ngôi đền thờ Lê Đại Hành, ở xã Trường Yên, huyện Hoa Lư đã cung cấp thêm thông tin về bà, đó là bia *Trùng tu tạo tác Thánh tượng tiền triều Lê Đại Hành Hoàng đế bi kí tính minh*, do Tiến sĩ Dương Cảo soạn vào niên hiệu Hoằng Định thứ 12 (1611), có 3 lần nhắc tới tên hiệu của một vị Hoàng thái hậu đó là “Bảo Quang”. Mở đầu văn bia ca ngợi công lao, đức độ của vị Hoàng hậu này có đoạn: “[Người] có công giúp cho việc trị nước được thành công còn có Bảo Quang Hoàng thái hậu, [bà là người] đoan trang giữ đức, thể hiện rõ phong hóa Quan thư, ăn ở trọn đạo là bậc mẫu nghi. Ngọa Triều Hoàng đế lên ngôi, trị vì hợp lòng dân, công đức được lộc đã từ lâu rồi vậy - 助成内治之美则有寶光皇太后端莊維德示關雎風化綏穆木福履卧朝皇帝居位持世宜民受祿功德從來者遠” (17).

Sau đó, văn bia cho biết rõ về thời điểm tu sửa các pho tượng tại đền vua Lê Đại Hành, trong đó có tượng của vị Hoàng thái hậu “Bảo Quang”: “Vào ngày 19 tháng 6 năm Tân Hợi hưng công tu tạo thánh tượng Lê Đại Hành Hoàng đế triều trước, thánh tượng Bảo Quang Hoàng thái hậu và thánh tượng Ngọa Triều hoàng đế, cho đến ngày 24 tháng 6 năm Nhâm Tý thì hoàn thành/ 迺於辛亥年六月十九日興功造作前朝黎大行皇帝聖像,寶光皇太后聖像卧朝皇帝聖像越壬子年六月二十四日告成” (18). Theo nội dung

văn bia cho biết, đợt trùng tu này đã cho tu tạo 3 pho tượng gồm: Tượng vua Lê Đại Hành, tượng Ngọa Triều hoàng đế và tượng Bảo Quang hoàng thái hậu. Vậy, Bảo Quang hoàng thái hậu là ai? Hiện nay, trong tòa Chính cung tại đền thờ Lê Đại Hành, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư đang thờ 3 pho tượng, gồm vua Lê Đại Hành, Khai Minh vương Lê Long Đinh (Lê Ngọa Triều) và Thái hậu Dương Vân Nga. Trong ĐVSKTT cũng ghi nhận về sự kiện tô tượng của hai vị vua và bà Dương hậu: “về sau, tục dân lập đền thờ, tô tượng hai vị vua Tiên Hoàng và Đại Hành và tượng Dương hậu cùng ngôi hồi quốc sơ vẫn còn như thế” (19). Từ nội dung văn bia, kết hợp với các tư liệu chính sử, chúng tôi cho rằng “Bảo Quang hoàng thái hậu”, là tên hiệu khác của Dương Hậu và tên hiệu này xưa nay chưa được ghi vào chính sử.

+ Đinh Liễn: Ông là nhân vật được nhắc nhiều trong các bộ chính sử, cụ thể trong ĐVSKTT có đến 15 lần (20) ghi chép về ông, trong đó ghi rõ họ tên và tước hiệu: “Quý Dậu [Thái Bình] năm thứ 4 (973), Nam Việt vương Liễn đi sứ về. Nhà Tống sai sứ sang phong cho vua làm Giao Chỉ Quận vương, Liễn làm Kiểm hiệu thái sư Tĩnh hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ” (21). Sau đó 2 năm, tức năm 975, ông lại được nhà Tống tiếp tục sách phong: “Mùa thu, nhà Tống sai Hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự dẫn đầu bọn Vương Ngạn Phù đem chế sách sang gia phong cho Nam Việt vương Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu Thái sư, Giao Chỉ Quận vương” (22). Trong phần lục khoản của các cột kinh cho biết thêm thông tin về tên đệm cũng như tước hiệu của ông mà các bộ chính sử không đề cập tới, cụ thể:

- Về tên đệm/lót: Theo sách ĐVSKTT có 11 chỗ chép về tên húy và tước hiệu của ông là “Nam Việt vương Liễn 南越王璉”. Nhưng trong nội dung 3 cột kinh, mà chúng tôi khảo sát thì giữa chữ Đinh 丁 và chữ Liễn 璉 còn có chữ Khuông 匡 được chép rất rõ, đó là “Nam Việt vương Đinh Khuông Liễn 南越王丁匡璉”. Như vậy, theo cột kinh thì họ và tên đầy đủ của ông là Đinh Khuông Liễn 丁匡璉 mà không phải là Đinh Liễn 丁璉 như chính sử đã chép.

- Về tước hiệu:

TT	ĐVSKTT	Kinh tràng
1	Kiểm hiệu Thái sư Tĩnh hải quân Tiết độ sứ An nam đô hộ (23)	Suy thành Thuận Hoá, Tĩnh hải quân Tiết độ sứ, Đặc tiến
2	Khai phủ nghị đồng tam ty, Kiểm hiệu thái sư, Giao chỉ Quận vương (25)	Kiểm hiệu Thái sư, Thực ấp nhất vạn hộ (24)

So sánh thông tin giữa ĐVSKTT và kinh tràng cho thấy, tước hiệu “Suy thành Thuận Hoá, Đặc tiến, Thực ấp nhất vạn hộ”, không thấy ghi lại trong chính sử. Ngoài ra, nội dung cột kinh cũng cho biết lý do sâu xa mà Đinh Liễn giết em trai của mình: “Nhân vì người em trai đã mất là Đại đức Đinh nô tăng nô (26) không thuận theo trung hiếu phụng sự Thượng phụ và bậc huynh trưởng, lại còn sinh lòng ác phản nghịch. Nếu như biết yêu quý khoan dung, thì người anh vô dụng cũng có thể bảo ban được. Còn việc đến nỗi phải giết hại đến tính mạng Đại đức đỉnh nô tăng nô là cốt vì nước nhà, để giữ được phong thái triều đình dài lâu/所為亡弟大德頂帑僧帑不為忠孝伏事上父及長兄卻行惡心違背若愛寬容兄虛著造次所以損害大德頂帑僧帑性命要成家國永霸門風 (27) và quan trọng hơn nữa, lý do chính là: “Thứ nữa Khuông Liễn giữ yên được lộc vị/次為匡璉恒堅祿 (28). Vì Đinh Liễn tuy là con trưởng, tính vốn thông minh lại cùng đồng cam cộng khổ với cha trong công cuộc dẹp loạn mười hai sứ quân,

trước được phong làm Nam Việt vương, lại từng xin mệnh và nhận tước phong của nhà Tống. Tuy nhiên, sau này do quá yêu Hạng Lang mà: “Lập Hạng Lang làm Hoàng thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ vương” (29). Vì tấm lòng thiên vị của Đinh Tiên Hoàng, đã khiến Đinh Liễn không phục nên dẫn tới việc giết hại người em này. Sự thiên vị, dẫn tới anh em chém giết lẫn nhau được sử thần Ngô Sĩ Liên để lại lời bình trong ĐVSKTT: “Nổi ngôi dùng con đích là đạo thường muôn đời, bỏ đạo ấy, chưa từng không gây loạn” (30).

+ Đinh Điền: Ông người làng Đại Hữu cùng quê với Đinh Tiên Hoàng (nay là xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Ông theo phò giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên loạn mười hai sứ quân, là đệ nhất công thần, góp phần không nhỏ vào việc thống nhất giang sơn. Đinh Điền cùng Nguyễn Bặc, Lưu Cơ, Trịnh Tú là một trong tứ trụ triều đình. Khi tiên đế bị ám hại, Lê Hoàn lên ngôi, ông cùng với các trung thần nhà Đinh chống lại Lê Hoàn nhưng bị thất bại, ông chết ngay tại trận. Cái chết của ông và Nguyễn Bặc được các sử gia đời sau hết lời ca ngợi: “Nguyễn Bặc, Đinh Điền sao có thể nhẫn tâm điem nhiên mà nhìn? Rồi lui về dấy quân hỏi tội, mưu giữ xã tắc, thế là bấy tôi trung nghĩa đấy. Việc không xong mà chết, thế là bấy tôi tử tiết đấy” (31). Bản lĩnh và chí khí đó cũng được Tiến sĩ Nguyễn Thượng Hiền ca ngợi trong *Tam tôn miếu bi*, khắc vào niên hiệu Duy Tân thứ 1 (1907) dựng ngay tại ngôi đền thờ của ông ở xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh như sau: “Hưng Quận công Đinh Tướng công ứng vận sinh ra, theo giúp Đinh Tiên Hoàng ở (động) Hoa Lư, dẹp yên loạn mười hai sứ quân mở nền chính thống, giết Đỗ Thích, lập vua nhỏ, vì

nước mà tuần tiết, chí khí ngút đất trời... Ôi! Tướng công trung thành với vua, có công với đương thời, chết thì tiết liệt/興郡公丁相公應期而生從丁先皇帝于華閭平使君而正統開誅杜釋而少帝立為國效忠氣塞天地... 嗚呼相公忠於君勳於辰 (32) 死於節烈 (33). Ngoài ra, văn bia cho biết thêm một số chi tiết liên quan đến người vợ của ông như sau: “Tướng công Phu nhân họ Nguyễn, người Thượng Chân, khi ông bị nạn cũng tuần tiết theo. Nay được thờ phụng tại phía đông của miếu/相公夫人上珍阮氏以公難殉今祀在廟中之東” (34). Qua đoạn nội dung ngắn trên cho biết vợ của ông họ Nguyễn, bà cũng phải tuần tiết chết theo chồng. Như vậy, ngoài chức Nhập nội Kiểm giáo Đại Tư đồ, Bình chương trọng sự ra, chúng ta còn biết thêm được tước hiệu của ông là Hưng Quận công.

3. Bổ sung thông tin cho các nhà khoa bảng có tên trong *Đăng khoa lục*

+ Ninh Tốn (1743-?): Ông xuất thân trong một gia đình nổi đời khoa bảng ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Về thân thế, sự nghiệp và hành trạng của các danh sĩ họ Ninh nói chung và Ninh Tốn nói riêng đã được đề cập trong các sách: *Ninh Tướng công hành trạng* 寧相公行狀 (35), *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện* 寧平全省地誌考辨 (36). Theo *Vũ trung tùy bút* (37) của Phạm Đình Hổ cho biết: “Họ Ninh ở xã Côi Trì, tổ tiên vốn là người Ninh Xá, huyện Chí Linh. Khoảng năm Hồng Đức triều Lê về sau khi loạn lạc diên thổ bỏ hoang nhiều mới có lệnh cho khai hoang làm được bao nhiêu thì là của mình”. Sách *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra* (38) cho biết làng Ninh Xá, huyện Vọng Doanh thuộc vào phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam hạ (nay là xã Cát Đằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định). Tuy nhiên, qua khảo sát nội

dung một số văn bia dựng ở một số từ đường họ Ninh thuộc xã Yên Mỹ, Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình lại cung cấp thêm nhiều thông tin lí thú liên quan đến nguồn gốc, lai lịch dòng họ Ninh. Theo *Dã Hiên tiên sinh mộ biểu* do Tiến sĩ Vũ Huy Đình soạn vào niên hiệu Cảnh Hưng thứ 42 (1781) dựng tại nhà thờ họ Ninh, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô ghi: “Cụ Thế tổ tên húy là Doãn Trung, vốn người (làng) Ninh Xá, (huyện) Vọng Doanh, đầu đời Hồng Đức cùng người con tên húy là Doãn Trinh phụng chiếu đến chiếm xạ (39) đất Yên Mô, nhân đấy lập thành ấp/世祖諱允忠原籍望瀛之寧舍洪德初與其子諱允貞奉詔占射安謨地因遂為邑 (40). Hay trên bia *Hoàng giáp công bản truyện* 黃甲公本傳, dựng tại nhà thờ họ Ninh, thôn Tám, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô cũng cho biết rất rõ về lai lịch dòng họ Ninh như sau: “Viễn tổ tên húy là Doãn Trung, vốn người (làng) Ninh Xá, (huyện) Vọng Doanh, vào niên hiệu Hồng Đức thứ 1 (1740) cùng người con là Doãn Trinh phụng chiếu đến chiếm xạ nay lập thành ấp/遠祖諱允忠籍望瀛之寧舍洪德元年與其子允貞應詔占射今邑” (41). Từ nội dung văn bia đã cho biết rõ hơn về gốc tích dòng dõi của họ Ninh, bắt đầu từ Doãn Trung, Doãn Trinh đều là những vị tiên hiền khai cơ đất Yên Mô, được nhà vua ban sắc chỉ cho tới “chiếm xạ” vùng đất này. Đây là những thông tin quý giá khi nghiên cứu về lịch sử khai hoang của vùng đất Yên Mô nói riêng và tỉnh Ninh Bình nói chung. Qua đây có thể đính chính thông tin sai lệch ở một số sách vở, để có thể khẳng định nguồn gốc dòng họ Ninh từ Ninh Xá, Vọng Doanh, Nam Định chuyển sang mà không phải Ninh Xá, Chí Linh chuyển tới.

Về tiểu sử và hành trạng của Ninh Tốn đã được nhiều sách vở đề cập, tuy nhiên chúng ta không biết rõ về các mốc thời gian cụ thể trong con đường hoạn lộ của ông, đặc

biệt là khoảng thời gian từ năm ông 19 tuổi (1762) cho đến năm 35 tuổi (1778). Thông qua nội dung văn bia *Chuyết Sơn thi tự* do chính tác giả soạn và cho khắc lên tấm bia ma nhai ở núi Chuyết Sơn, xã Phượng Trì, tổng Yên Mô, huyện Yên Mô, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vào niên hiệu Cảnh Hưng thứ 42 (1781) đã cho người đọc rõ hơn về giai đoạn này: “Cư sĩ người họ Ninh, tên là Tồn, tự là Hy Chí, người làng Côi Trì. Năm Nhâm Ngọ (1762), 19 tuổi đỗ Hương cống. Năm Canh Dần (1770), 27 tuổi đề thơ ở núi Vân Lỗi, thấy thơ văn tài hoa liền triệu về kinh ban cho làm thiêm Tri binh phiên. Năm Ất Mùi (1775), 32 tuổi phụng tiến triều nhậm chức Hiệu thảo, thự Sơn Nam Hiến sứ. Năm Đinh Dậu (1777), 34 tuổi giữ Thiêm sai tri binh phiên. Năm Mậu Tuất (1778), 35 tuổi giành Hội nguyên Tiến sĩ” (42). Ninh Tồn là tác gia lớn cuối thời Lê mạt, ngoài những tác phẩm văn học được chép trong sách vở ông còn soạn thuật nhiều văn bia, trong đó có 6 bia được dựng trên đất Ninh Bình.

+ Ninh Địch/寧迪 (1687-?): Thông tin về Ninh Địch trước nay được ghi lại khá nhiều trong các sách *Đăng khoa lục* như: *Lịch triều đăng khoa lục* (43), *Liệt huyện đăng khoa* (44). Tuy nhiên, thông tin lại hết sức vắn tắt, ví dụ sách *Các nhà khoa bảng Việt Nam* (45) (CNKBVN) ghi: “Ninh Địch người xã Côi Trì, huyện Yên Mô. Cháu tằng tôn của Ninh Đạt, chú của Ninh Tồn. 32 tuổi đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Tuất niên hiệu Vĩnh Thịnh 14 (1718) đời Lê Dụ Tông. Làm quan đến chức Đông các đại học sĩ, về trí sĩ”. Hay văn bia *Vĩnh Thịnh thập tứ niên Mậu Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí* (46) niên hiệu Bảo Thái thứ 2 (1721), do Vũ Công Tế soạn, dựng ở Văn Miếu Quốc Tử Giám cũng có nhắc tới nhưng hết sức cô đọng như sau: “Ngày

tháng 6 vào Điện thí, ban cho Vũ Công Tế đỗ Tiến sĩ cập đệ; Nguyễn Tuyên, Ninh Địch đỗ Tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Hữu Kiều 14 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân”. Và *Ninh Địch 寧迪 người xã Côi Trì, huyện Yên Mô, Huấn đạo*. Khảo cứu nguồn tư liệu văn bia có liên quan đến Ninh Địch đã thu thập được một số thông tin mà chưa có tài liệu nào nhắc tới, ví dụ như tên húy của ông chẳng hạn. Trước nay, các tài liệu *Đăng khoa lục* đều ghi là Ninh Địch 寧迪, nhưng theo bia *Hoàng giáp công bản truyện* đặt tại từ đường họ Ninh, thôn Tám, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô đã cho biết rằng tên húy là Sắc 敕, còn Địch 迪 chỉ là tên tự: “Ông tên húy là Sắc 敕, tự là Địch 迪, người họ Ninh thuộc (xã) Côi Trì, (huyện) Yên Mô. Viễn tổ tên húy là Doãn Trung, quê ở (xã) Ninh Xá, (huyện) Vọng Doanh. Niên hiệu Hồng Đức thứ 1 (1470) cùng con trai là Doãn Trinh theo chiếu chỉ chiếm xạ nay lập nên ấp này. Doãn Trinh công sinh ra Ngô Thái công, Ngô Thái công sinh ra Ngô Thiện công và Chính Trung công nhiều đời làm nghề nông. Chính Trung công sinh ra Huyền Pháp công tức là ông của ta là người đầu tiên đỗ đạt làm Sinh đồ” (47). Trong tài liệu *Đăng khoa lục* chỉ cho biết năm sinh (1687) còn năm mất vẫn để tồn nghi (?), các thông tin về ông trong các tài liệu này cũng hết sức ngắn gọn. Thật may, trong văn bia *Hoàng giáp công bản truyện* được chép khá đầy đủ, chi tiết về từng mốc thời gian quan trọng đối với ông. Về năm sinh văn bia cho biết rất chi tiết về giờ, ngày, tháng, năm sinh như sau: “Ông sinh Canh Thân ngày mùng 4 tháng 2 niên hiệu Chính Hòa thứ 8 (1687)/正和八年丁卯二月初四日庚申時生公 (48). Về năm mất của ông các sách đều không thấy đề cập, nhưng trong văn bia *Hoàng giáp công bản truyện* thậm chí giờ, ngày, tháng đều được ghi rất rõ như sau: “Ông mất tại nhà

vào giờ Tý ngày 12 tháng 4 năm Giáp Dần niên hiệu Long Đức thứ 4 (1735), hưởng thọ 48 tuổi, cáo phó tặng Hàn lâm viện thừa chỉ, tên thụy là Thông Mẫn, tên hiệu là Ngọc Đường/龍德三年甲寅四月十二日巳時病卒於家壽四十八訃聞贈翰林院承旨賜諡聰敏號玉堂 (49). Về các mốc thời gian quan trọng gắn liền với cuộc đời ông từ năm 16 tuổi cho tới khi ông mất, đã được ghi lại đầy đủ trong *Hoàng giáp công bản truyện* mà chưa có bất cứ sách vở nào đề cập: “Năm Nhâm Ngọ (1702), 16 tuổi xét đứng đầu huyện liên nhập học. Năm Ất Dậu (1705), 19 tuổi thi đứng đầu trường, năm đó đạt giải đồng bảng với phủ quân. Năm Canh Dần (1710), 24 tuổi mùa xuân đi thi được giữ chức Huấn đạo Nghĩa Hưng. Năm Nhâm Thìn (1712), 26 tuổi lại đỗ Tam trường lần nữa. Năm Mậu Tuất (1718), 32 tuổi thi Đình đỗ Đệ tam danh, ban cho Chánh Tiến sĩ, thụ chức Hàn lâm hiệu lý, đó là vào năm Vĩnh Thịnh thứ 14. Năm Kỷ Hợi (1719), 33 tuổi giữ chức Đốc đồng Hải Dương. Năm Canh Tý (1720), 34 tuổi ban ơn thăng làm Đãi chế, năm đó xây dựng miếu thần của xóm. Năm Nhâm Dần (1722), 36 tuổi giữ chức Tham đồng đề lãnh. Năm Quý Mão (1723), 37 tuổi phụng mệnh đi coi thi ở Thiên Trường. Năm Giáp Thìn (1724), 38 tuổi vì có công vất vả được chuyển làm Hiến sứ Hải Dương, năm đó xây nhà từ đường. Năm Bính Ngọ (1726), 40 tuổi xây dựng ngôi đình lớn của xóm. Năm Đinh Mùi (1727), 41 tuổi đội ơn được thăng Đông các Đại học sỹ. Năm Kỷ Dậu (1729), 42 tuổi đi coi thi trường Kinh Bắc. Năm Canh Tuất (1730), 44 tuổi đội ơn được thăng là Thái bộc tự khanh, được ban là Phó đốc thị Nghệ An. Năm Nhâm Tý (1732), 46 tuổi thăng là Đông các Đại học sỹ” (50). Ngoài những thông tin về hoạn lộ, văn bia cũng cho biết đến những cống hiến của ông đối với gia tộc và địa phương. Từ

nguồn tư liệu này có thể đính chính thông tin chưa chính xác về ông trong cuốn *Vũ trung tùy bút* (51) của Phạm Đình Hổ: “Đời gần đây có Ninh công Định đỗ Hội nguyên và trúng cách, có tiếng hay chữ. Đến Ninh công Tồn, biệt hiệu Mẫn Hiên (còn có hiệu Chuyết Sơn) là cháu gọi Ninh công Định bằng chú”. Trong *Vũ trung tùy bút* đã nhầm tên gọi của Ninh Định/寧迪 thành Ninh Định/寧定.

+ Vũ Phạm Khải (1807-1872): Tiểu sử, hành trạng của Đông Dương Vũ Phạm Khải được ghi đầy đủ trong *Tiên Trung Thuận đại phu, Hàn Lâm viện Thị độc học sĩ, sung Sử quán Toàn tu, thụy Đoan Cẩn, hiệu Ngu Sơn, Vũ công đại nhân sự thuật*, thuộc tác phẩm *Ngu Sơn thi tập văn toàn tập* 愚山詩文全集 (52) do con trai Vũ Kế Xuân soạn năm 1896. Bên cạnh đó, các sách vở đời sau đã khảo cứu, tổng kết để có những thông tin cô đọng nhất về ông. Có thể điểm qua như *Lược truyện các tác gia Việt Nam* (53) (LTCTGVN), *Tên tự tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam* (TTTHCTGHNVN) (54) và cuốn *Khoa cử Việt Nam (Cử nhân triều Nguyễn)* (55) phần lớn đều ghi thống nhất về các mốc quan trọng trong con đường hoạn lộ của ông: Năm 1831 đậu Cử nhân, giữ chức Lễ khoa cấp sự trung. Năm 1841 thăng Hồng lô tự khanh, Sử quán toàn tu. Năm 1848 vì nói xược với quan trên, bị bãi về, ít sau lại được vời ra thăng làm Thị độc học sĩ, bổ làm Bố chính Thái Nguyên. Tuy nhiên, thông tin về ngày tháng năm sinh của ông hiện chưa thống nhất. Sách LTCTGVN thì ghi: “không rõ năm sinh năm mất”, còn TTTHCTGHNVN và sách *Khoa cử Việt Nam (cử nhân triều Nguyễn)* đều cho biết ông sinh năm 1807, mất năm 1872. Qua khảo cứu tám bia *Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung sử quán toàn tu, thụy Đông Dương, Vũ công chi mộ* (56), dựng tại mộ của ông ở xã Yên Mạc, huyện

Yên Mô đã cung cấp nhiều thông tin có thể bổ sung cho các sách trên.

Về năm sinh, năm mất: Văn bia cho biết chi tiết về ngày, tháng, năm như sau: Ông sinh giờ Mão, ngày 20 tháng 9 năm Đinh Mão niên hiệu Gia Long thứ 6 (1807)/嘉隆六年丁卯九月二十日卯生; Mất tại kinh thành ngày 22 tháng 12 năm Tân Mùi, niên hiệu Tự Đức thứ 24, hưởng thọ 65 tuổi (1871)/卒于京城嗣德二十四年辛未十二月二十二日享壽六十五 (57). Sau đó 1 năm, tức ngày 7 tháng 2 năm Tự Đức thứ 25 (1872), linh cữu của ông mới được chuyển về quê nhà và táng tại xứ Đống Cao. Văn bia cho biết thêm về những người thân thích xung quanh ông như: “Cha húy là Đàm ân phong Hàn lâm viện thị độc, gia tặng Thị độc học sĩ. Mẹ họ Phạm, húy là Hương ân phong Chánh ngũ phẩm Nghi nhân, gia tặng Chánh tứ phẩm Cung nhân” (58). Phần về vợ con cũng ghi rõ như sau: “Người vợ cả họ Lê, là con gái của của Anh lượng công Tri phủ Đức Thọ, được phong là Chánh phu nhân; Bà vợ thứ người họ Nguyễn; Ông sinh được 3 con trai: Trưởng là Tú tài Hạ, tự là Kế Xuân, con thứ là Bạt, con thứ 3 là Sửu do bà thiếp người Tuy Lộc sinh ra) (59).

Cuộc đời của Đông Dương Vũ Phạm Khải vô cùng gian truân, thi cử không may mắn, đường hoạn lộ thường xuyên bị thăng giáng. Cuối đời ông mang một tâm trạng u uất, vì bị hiềm thù và vu cáo. Nhưng con người ông luôn thể hiện rõ là nhà chính trị có tư tưởng hết sức tiến bộ, nhà văn, nhà thơ, nhà sử học rất tài năng.

+ Vũ Duy Thanh: Về năm sinh, năm mất của Vũ Duy Thanh hiện nay ở một số sách chưa thống nhất. Sách CNKBVN ghi ông sinh năm 1811, mất năm 1863 (60). Sách LTCTGVN ghi ông sinh năm 1810, không rõ năm mất (61). Sách TTTHCTGHNVN (62) ghi ông sinh năm

1807, mất năm 1859. Thật may, về tiểu sử, hành trạng của ông hiện còn được ghi lại đầy đủ trong văn bia *Tự Đức Giáp Tý quý đông hạ cán/hoãn* khắc niên hiệu Tự Đức thứ 18 (1865), hiện đang dựng tại từ đường họ Vũ, xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh do Vũ Phạm Khải soạn. Văn bia cung cấp thông tin về ngày, tháng, năm sinh, năm mất của ông như sau: “Ông sinh ngày mồng 9 tháng 8 ngày mồng 5 tháng 4 năm Kỷ Mùi (1859) niên hiệu Tự Đức thứ 12, mất khi đang làm quan, hưởng thọ 53 tuổi/八月初九日生[...]嗣德十二年己未四月五日卒于官享齡五十三 (63). Tuy văn bia chỉ ghi ông ngày sinh mừng 9 tháng 8 mà không ghi năm, nhưng căn cứ vào năm mất là năm Kỷ Mùi (1859) và tuổi thọ là 53 tuổi, từ đó có thể suy ra năm sinh chính xác của ông năm Ất Sửu (1807), thuộc niên hiệu Gia Long thứ 6.

Có thể nói việc thi cử của Vũ Duy Thanh rất lận đận, trải qua hai đời vua Thiệu Trị và Minh Mệnh đều không đỗ. Có lẽ vì ông là người thẳng thắn, nên khi trình bày ý kiến của mình về thời cuộc không theo chính thống nên bị đánh rớt. Chỉ đến khi Tự Đức mở kì thi Cát sĩ, một kì thi đặc biệt để tuyển nhân tài thì ông đỗ một cách xuất sắc. Sự kiện này được Vũ Phạm Khải ghi rõ: “Mùa hạ năm ấy lại mở Chế khoa người nào giỏi văn học đều được thi, địa phương hiếm người ứng cử không nổi trăm người. Vua đặc chuẩn cho khoa ấy, Phó bảng đều được thi, có 7 người trúng cách, ông đỗ thứ 2” (64). Từ đó con đường hoạn lộ của ông cứ thể mở ra, lúc đầu bổ làm Hàn lâm viện Thị độc, trải qua viện Tập hiền, thăng làm Tư nghiệp và Tế tửu, bổ làm Trung thuận đại phu, trật tứ phẩm. Cuộc đời Vũ Duy Thanh được Vũ Phạm Khải tổng kết là người có: “Ba cái bất hủ, lập ngôn biện luận rằng: lối học thông tục là dị đoan, thủy chiến hỏa

công, lạnh lùng với việc làm quan nhưng lòng đầy nhiệt tình/人有三不朽 一曰立言 辨俗學去易端火戰火攻官冷心熱 (65).

Liên quan đến hành trạng của Vũ Duy Thanh còn được ghi lại trong bia *Đại khoa tông tự*, khắc năm Đinh Mùi (1907), niên hiệu Duy Tân dựng tại văn từ huyện Yên Khánh (nay là xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh) như sau: "Vũ Duy Thanh, hiệu Trường Phủ tiên sinh (người Kim Bồng), đỗ khoa Tân Hợi triều Nguyễn, Bác học hoành tài Chế khoa Đề nhất giáp Cát sĩ cập Đề nhất bảng nhãn thị Trạng nguyên, là Quốc tử giám Tế tửu/皇阮辛亥博學宏財制科第一甲吉士及第一榜眼視狀元國子監祭酒武惟清澄甫先生(金蓬) (66). Vũ Duy Thanh vừa là nhà khoa bảng, đồng thời cũng là một tác gia Hán Nôm đã để lại nhiều tác phẩm rất có giá trị.

4. Bổ sung thông tin cho nhà khoa bảng chưa có tên trong *Đăng khoa lục*

Trước đây, những người thi đỗ thứ hạng cao thường được lưu danh trên bia đá hoặc các tài liệu *Đăng khoa lục*. Tuy vậy, bia đề danh rất ít, các bộ sách đề danh *Đăng khoa lục* như *Đỉnh khiết Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* 鼎契大越歷朝登科錄 (67), *Lịch đại đăng khoa lục* 歷代登科錄 (68) hoặc *Quốc triều khoa bảng lục* 國朝科榜錄 (69) thường ra đời muộn hơn các khoa thi. Trên thực tế có nhiều vị đỗ Thái học sinh triều Trần, đỗ Hương cống triều Lê ở các địa phương nhưng chưa thấy đề cập trong các tài liệu *Đăng khoa lục*. Sách CNKBVN cho biết về Nho học, Ninh Bình có 10 người đỗ đại khoa, vị đại khoa đầu tiên là Đinh Thúc Thông (1442-?) người xã Quán Vinh, đỗ Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận thứ 4 (1463) đời Lê Thánh Tông. Nhưng chỉ riêng trong bia *Đại khoa tông tự* khắc năm Đinh Mùi

(1907), niên hiệu Duy Tân, dựng tại văn từ huyện Yên Khánh (nay là xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh) cho biết về danh tính của 11 vị đỗ đại khoa của huyện này từ đời Trần đến đời Nguyễn, gồm: Vũ Duy Thanh, Trương Hán Siêu, Đào tiên sinh, Nguyễn Hữu Đăng, Dương Ngô Thời, Đinh tiên sinh, Lê tiên sinh, Tạ đại lang, Đinh Đình Thụy, Nguyễn Bật Luân và Vũ Hành Khiển. Ngoài Vũ Duy Thanh, Đinh Đình Thụy, Nguyễn Bật Luân đã được các sách *Đăng khoa lục* ghi nhận, còn 8 vị khác không thấy ghi chép đến, bao gồm:

+ Trương Hán Siêu: Văn bia *Đại khoa tông tự* ghi rằng: "Đỗ Thái học sinh triều Trần, giữ chức Ngự sử, thăng Hàn lâm học sĩ, Tả ti lang trung, kiêm Lạng Giang Kinh lược sứ, Giám nghị đại phu Đại hành khiển, tặng là Thái bảo Thái truyền Trương Hán Siêu, hiệu là Thăng Phủ tiên sinh (người Phúc Am)/陳朝太學生授御史陸翰林學士左司郎中兼諒江經略使諫議大夫大行贈太保太傅張漢超升甫先生(福庵) (70). Việc Trương Hán Siêu đỗ khoa thi Thái học sinh mà tên tuổi không được ghi lại, thì theo khảo cứu trong NBTTĐCKB mục *Khoa đệ tổng thuyết* 科第總說 do Nguyễn Tử Mẫn soạn vào năm Nhâm Tuất, niên hiệu Tự Đức thứ 15 (1862) cho biết: "Thái học sinh Trương Hán Siêu: Người thôn Phúc An, huyện Yên Khánh (xưa là xã Phúc Thành, huyện Yên Ninh). Trong *Khoa thứ sử* (71) không ghi. Nhưng sử thần Ngô Sĩ Liên nói rằng: Hán Siêu là kẻ ưu tú trong các quan văn học. Gần đây xem trong *Biệt lục* có ghi: "Thái học sinh đời Trần trên tấm bia nổi tiếng của đền huyện Yên Khánh, được đặt đứng đầu các đại khoa". Như vậy, cùng với các tư liệu khác có thể khẳng định Trương Hán Siêu từng đỗ Thái học sinh ở thời Trần cũng đồng nghĩa với

việc ông là người đỗ đại khoa đầu tiên của Ninh Bình. Về hành trạng của Trương Hán Siêu còn được ghi lại trên một số tấm bia như *Trương Thái phó từ, Trần thái truyền Đôn Tẩu Trương Hán Siêu, Thăng Phủ thiên biểu* do Đông Dương Vũ Phạm Khải soạn năm Quý Sửu niên hiệu Tự Đức thứ 6 (1853) (72). Ngoài ra còn một số nhà khoa bảng khác, thông tin được ghi lại rõ ràng trong bia *Đại khoa tông tự* cũng như cuốn NBTĐCKB do Nguyễn Tử Mẫn soạn nhưng không có trong bất cứ tài liệu *Đăng khoa lục* nào, đó là:

+ Tạ Thân Không: *Đại khoa tông tự* ghi: “Tên tự là Thân Không tiên sinh (người Thạch Lỗi), đỗ Tiến sĩ triều Trần, phụng mệnh đi sứ phương Bắc/陳朝進士奉北使謝大郎字身空先生(石磊)” (73). Sách NBTĐCKB mục *Khoa đệ tổng thuyết* 科第總說 ghi: Tiến sĩ Tạ Thân Không, người xã Thạch Lỗi, huyện Yên Khánh. Theo *Đăng khoa lục*, triều Trần chỉ ghi đến Tam khôi, còn lại đều lược bớt. Nay căn cứ vào *Thực bổ nhập truyền* 實補入傳, nghe tin đi sứ về thì mất (74).

+ Nguyễn Hữu Đăng: *Đại khoa tông tự* ghi: “Ông người An Phúc, đỗ Tiến sĩ xuất thân triều Trần, giữ chức Đô sát viện Ngự sử/陳朝進士出身都察院御史阮有登先生(安福)” (75). Sách NBTĐCKB mục *Khoa đệ tổng thuyết*: “Tiến sĩ Nguyễn Hữu Đăng: Người xã An Phúc, huyện Yên Khánh (xưa là xã) Đại Bại, nay đổi tên). Trong Tư lục không ghi. Trên bia đá của đền huyện và biển gỗ của đền xã ấy có ghi rõ Nguyễn tiên sinh là Tiến sĩ triều Trần, làm quan đến Ngự sử đài” (76).

+ Ông họ Đinh và họ Lê: *Đại khoa tông tự* ghi: “Đinh tiên sinh (người Thiện Trạo), đỗ Tiến sĩ triều Trần, giữ chức Đô Ngự sử/陳朝進士都御史丁先生(善掉)” và “Lê tiên sinh (người Thiện Trạo), đỗ Tiến sĩ triều Trần, giữ

chức Hàn lâm viện Nhập thị kinh diên/陳朝進士翰林院入侍經筵黎先生(善掉)” (77). Trong NBTĐCKB mục *Khoa đệ tổng thuyết* 科第總說 cũng đề cập đến hai vị này như sau: “Còn nữa trong huyện có 2 Tiến sĩ tên húy không được truyền lại. Trên bia đá đền của huyện một ghi là Lê tiên sinh Tiến sĩ triều Trần làm quan đến Hàn lâm viện, người Thiện Trạo. Một ghi là Đinh tiên sinh đỗ Tiến sĩ triều Trần, làm quan đến Ngự sử đài, người xã Thiện Trạo” (78).

+ Dương Ngộ Thời: Theo kết quả khảo cứu nguồn tư liệu văn bia Hán Nôm của tỉnh Ninh Bình cho thấy có 1 vị khoa bảng là Dương Thời Ngộ. Trong *Đại khoa tông tự* ghi: “Ông người An Phúc, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Bính Tuất khoa triều Trần, giữ chức Hình bộ Thượng thư Hành khiển/陳朝丙戌科同進士刑部尚書行譴楊遇時先生(安福)” (79). Sách NBTĐCKB mục *Khoa đệ tổng thuyết* ghi: “Ông người Yên Phúc, huyện Yên Khánh. Thi đỗ khoa Quý Mão niên hiệu Hoằng Định thứ 5 (1604), hiện đã được ghi tên trong bia đá đặt ở Văn từ bản huyện. Quan nghiệp không rõ, gia phả của nhà ghi rằng: Thi đỗ Giám sinh (nay là Cử nhân) thủ khoa (nay là Giải nguyên) khoa Giáp Tý, niên hiệu Cảnh Trị thứ 3 (1665). Làm quan đến Thượng thư bộ Hình” (80). Còn *Dương tộc văn kí* dựng vào niên hiệu Thành Thái thứ 4 (1902) đặt tại nhà thờ họ Dương, xã Ninh Phúc, huyện Hoa ư ghi về ông như sau: “[Ông] đỗ Đề tam giáp đồng Tiến sỹ cập đệ đệ tứ danh khoa Bính Tuất triều Trần, từng giữ chức Nội hầu, tên lưu trong quốc sử, làm quan đến chức Hành khiển Thượng thư bộ Hình (ông họ Dương tên húy là Ngộ Thời)/陳朝丙戌科第三甲同進士及第第四名宦歷內侯名留國史仕至行譴刑部尚書楊公諱遇時 (81). Như vậy, theo các tài liệu hiện nay có

được đều cho biết có một vị Dương Ngô Thời người Ninh Bình từng đỗ đạt, tuy nhiên thông tin về thời gian đỗ khác nhau. *Đại khoa tông tự, Dương tộc văn kí* ghi ông đỗ vào triều Trần, còn NBTĐĐCKB ghi ông đỗ vào thời Lê (Trung hưng), để khẳng định được ông đỗ chính xác vào thời gian nào có lẽ cần có những nghiên cứu sâu hơn.

+ Lê Du: Sách *CNKBN* không có tên ông, sách *Khoa cử Việt Nam - Hương cống triều Lê* ghi vài dòng sơ lược như sau: “Lê Du, người xã Yên Vệ, huyện Yên Khang. Đỗ Hương cống khoa Ất Dậu niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 1 (1705) đời Lê Dụ Tông” (82). Ngoài ra, trong bia *Vạn thế nhật nguyệt*, đặt tại Văn chỉ xã Yên Vệ, tổng Yên Vệ, huyện Yên Khánh dựng niên hiệu Đồng Khánh thứ 3 (1888) cho biết nhiều thông tin về ông như sau: “Lê tướng công, tên húy là Du, hiệu là Hồng Nguyên tiên sinh đỗ Hương cống khoa Tân Mão niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706), Tam trường khoa thi Hội năm Nhâm Thìn, phụng giữ Thị nội văn chức, khâm mệnh dụ Tả Thị giảng Quốc Tử Giám Quốc tử sinh kiêm Hữu Thị lang thêm sự, Hàn lâm viện Đông các đại học sĩ, Bắc sứ thượng quốc, thăng Cần Chính điện duyệt thư Thị Ngự sử Hữu

Tham tri, tặng là Quốc tử Thiếu sư Trung thư Bí thư thừa” (83). Như vậy, từ nội dung văn bia đã bổ sung được tên hiệu, đặc biệt là các chức tước của ông mà chưa có bất cứ tài liệu nào đề cập tới.

*

Ninh Bình, vùng đất “địa linh” sinh ra “nhân kiệt”, tên tuổi của họ không những được ghi trong sử sách mà còn được khắc vào bia đá để truyền lại đến mai hậu. Thông qua nội dung được phản ánh trên văn bia Hán Nôm, giúp chúng ta có thêm thông tin để bổ sung hành trạng cho một số nhân vật lịch sử của giai đoạn khan hiếm tư liệu như: Đinh Tiên Hoàng, Dương Vân Nga, Đinh Liễn, Đinh Điền... Riêng một số nhà khoa bảng đỗ đạt đại khoa, như: Ninh Tốn, Ninh Địch, Vũ Duy Thanh ... đã được bổ sung thông tin về quê quán, hoạn lộ, năm sinh, năm mất.... Bên cạnh đó, có một số nhà khoa bảng chưa thấy đề cập trong các tài liệu *Đăng khoa lục* nhưng lại được xuất hiện trong văn bia của tỉnh Ninh Bình. Hy vọng, đây sẽ là nguồn tư liệu quý để giới nghiên cứu cần nhắc, lựa chọn trong việc hoàn thiện danh sách về các nhà khoa bảng Việt Nam trong tương lai được đầy đủ hơn.

CHÚ THÍCH

(1). Theo Nguyễn Kim Mãng, *Nghiên cứu văn bia tỉnh Ninh Bình*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2014. Số lượng Văn bia Ninh Bình được lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN) là 868 đơn vị, số lượng văn bia trên địa bàn chưa được sưu tầm là 39 đơn vị, tổng số trữ lượng văn bia Ninh Bình là 907 đơn vị.

(2). Hà Văn Tấn, *Chữ trên đá, trên đồng minh văn và lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr 91-92.

(3). Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng thác bản văn bia được lưu tại VNCHN, N0 là kí hiệu

của thác bản văn bia, số 15853-15854 là số thứ tự của các thác bản văn bia.

(4). Hiện nay có một số văn bia của tỉnh Ninh Bình chưa được VNCHN sưu tầm, lưu trữ. Do đó, trong bài viết này chúng tôi dùng kí hiệu ST để chỉ những văn bia do tác giả bài viết sưu tầm được.

(5). *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập 1, Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, Ngô Thế Long dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.210.

(6). Từ năm 1963-1995 đã khai quật được 37 cột kinh, 11/37 cột có khắc chữ, 3/11 cột còn đọc

được rõ phần lạc khoản. Rất tiếc, toàn bộ số cột kinh này và kể cả cột kinh dựng tại chùa Nhất Trụ hiện VNCHN chưa có bản rập.

(7). *Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni*, thế kỉ X, lưu tại Bảo tàng Ninh Bình, [ST.2].

(8). *Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni*, thế kỉ X, lưu tại Bảo tàng Ninh Bình, [ST.1].

(9). *Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni* [ST.1], tldd.

(10). *Đại Việt sử kí toàn thư*, sdd, tr. 211.

(11). *Tiền triều Đinh Tiên Hoàng đế miếu công đức bi kí* [N015853-54], tldd.

(12). *Sắc kiến Đinh triều Tiên Hoàng đế lăng*, Minh Mệnh thứ 21 (1840), dựng tại lăng mộ vua Đinh, núi Yên Mã, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư [N015848].

(13). *Hàm Nghi nguyên niên cửu nguyệt nhị thập nhật trùng tu*, Hàm Nghi thứ 1 (1885), dựng tại lăng mộ vua Đinh, núi Yên Mã, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư [N015867].

(14), (15), (16), (21), (22), (23), (29), (30), (31). *Đại Việt sử kí toàn thư*, sdd, tr. 211, 212, 223, 212, 213, 212, 213, 214, 223.

(17). *Trùng tu tạo tác Thánh tượng tiền triều Lê Đại Hành Hoàng đế bi kí tính minh*, Hoàng Định thứ 12 (1611), dựng tại đền vua Lê Đại Hành, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư [N015859/60/61/62].

(18). *Trùng tu tạo tác Thánh tượng tiền triều Lê Đại Hành Hoàng đế bi kí tính minh* [N015859/60/61/62], tldd.

(19). *Đại Việt sử kí toàn thư*, sdd, tr 223.

(20). *Đại Việt sử kí toàn thư* có 15 lần nhắc đến 2 chữ “Đinh Liễn” và tên hiệu Nam Việt vương, gồm: Bản kỉ 1: tờ 3a, 4a, 4b, 5a, 5b, 6a, 8b, 9a, 13a; Ngoại kỉ 2: tờ 1b, 5a, 5b; Ngoại kỉ 5: tờ 23b, 24a và 24b.

(24). *Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni* [ST.1], [ST.2], [ST.3], tldd.

(25). *Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni* [ST.1], [ST.2], [ST.3], tldd.

(26). Chỉ Đinh Hạng Lang (975-979), là con trai út của Đinh Tiên Hoàng.

(27). *Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni* [ST.1], tldd.

(28). *Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni* [ST.2], [ST.3], tldd.

(32). Theo Ngô Đức Thọ (1997), *Nghiên cứu chữ huy Việt Nam qua các triều đại*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1997, cho biết: “Sau khi Tự Đức lên ngôi chữ Thì là tên chính thức của vua, tên thuở nhỏ là Hồng Nhậm chuyển làm tên tự ... đối với ngự danh khi làm văn đối dùng chữ khác, khi đọc tránh âm, tên người tên đất cấm dùng”, tr.151-152.

(33). *Tam tôn miếu bi*, Duy Tân thứ 1 (1907), dựng tại đền thờ Đinh Điền, xã Khánh Vân, huyện Yên Khánh [N033157].

(34). *Tam tôn miếu bi*, [N0 33157], tldd.

(35). *Ninh Tường công hành trạng*, [A.1267], lưu tại VNCHN.

(36). *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện*, [A.922], lưu tại VNCHN.

(37). *Vũ trung tùy bút*, [A.1312], lưu tại VNCHN.

(38). Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XIX thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr.61.

(39). Vào những năm đầu triều Lê, niên hiệu Hồng Đức sau khi loạn lạc, điền thổ bỏ hoang nhiều nên mới có lệnh ai khai hoang được bao nhiêu thì là của mình bấy nhiêu, khi thành ruộng rồi thì đưa số ruộng đó Lễ bộ Hộ, xin khất làm ruộng tư, như thế gọi là phép chiếm xạ.

(40). *Dã Hiền tiên sinh mộ biểu*, Cảnh Hưng thứ 42 (1781), dựng tại nhà thờ họ Ninh, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô [N042732/42733].

(41). *Hoàng giáp công bản truyện*, không niên đại, tại từ đường họ Ninh, thôn Tám, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô N042729].

- (42). *Chuyết Sơn thi tự*, Cảnh Hưng thứ 42 (1781), bia ma nhai khắc tại núi Chuyết Sơn, xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô [N0 9533-9540].
- (43). *Lịch triều đăng khoa lục*, VHv.2140, quyển 3, tờ 45b, lưu tại VNCHN.
- (44). *Liệt huyện đăng khoa*, A.485, quyển 2, tờ 55b, lưu tại VNCHN.
- (45). Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006, tr.663.
- (46). *Vĩnh Thịnh thập tứ niên Mậu Tuất khoa Tiến sĩ đề danh kí*, Bảo Thái thứ 2 (1721), dựng tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội, [N01301].
- (47), (48), (49), (50). *Hoàng giáp công bản truyện*, [N0 42729], tldd.
- (51). *Vũ trung tùy bút* [VHv.1466/1-2], tldd.
- (52). *Ngũ Sơn thi tập văn toàn*, VHv. 265, lưu tại VNCHN.
- (53). Trần Văn Giáp chủ biên, *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019, tr.384.
- (54).Trịnh Khắc Mạnh, *Tên tự tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2019, tr.396-398.
- (55). Nguyễn Thúy Nga, *Khoa cử Việt Nam - Hường cống triều Lê*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr.98.
- (56). *Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung sử quán toàn tu, thụy Đông Dương, Vũ công chi mộ*, không niên đại, dựng tại mộ Vũ Phạm Khải, xã Yên Mạc, huyện Yên Mô [N039054].
- (57). *Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung sử quán toàn tu, thụy Đông Dương, Vũ công chi mộ* [N039054], tldd.
- (58), (59). *Hàn lâm viện Thị độc học sĩ sung sử quán toàn tu, thụy Đông Dương, Vũ công chi mộ* [N039054], tldd.
- (60). Ngô Đức Thọ, *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, tr.838-839.
- (61). Trần Văn Giáp chủ biên, *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, sdd, tr.435.
- (62). Trịnh Khắc Mạnh, *Tên tự tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam*, sdd, tr.38.
- (63), (64), (65). *Tự Đức Giáp Tý quý đông hạ cán*, Tự Đức thứ 18 (1865), tại từ đường họ Vũ, xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh [ST.4].
- (66). *Đại khoa tông tự*, Duy Tân Đinh Mùi (1907), tại văn từ xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh [ST.5].
- (67). *Đỉnh khiết Đại Việt lịch triều đăng khoa lục*, VHv.651/1-2, lưu tại VNCHN.
- (68). *Lịch đại đăng khoa lục*, VHv.652, lưu tại VNCHN.
- (69). *Quốc triều khoa bảng lục*, VHv.640, lưu tại VNCHN.
- (70). *Đại khoa tông tự* [ST.5], tldd.
- (71). *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện*, A.922, tờ 237a, sdd.
- (72). *Trần thái truyền Đôn Tẩu Trương Hán Siêu, Thăng Phủ thiên biểu*, Tự Đức thứ 6 (1854), tại mộ Trương Hán Siêu, chân núi Dục Thúy, thành phố Ninh Bình [N029099].
- (73), (75), (77), (79). *Đại khoa tông tự* [ST.5], tldd.
- (74), (76). *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện*, A.922, tờ 237b, sdd.
- (78). *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện*, A.922, tờ 237b - 238a, sdd.
- (80). *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biện*, A.922, tờ 239a-239b, sdd.
- (81). *Dương tộc văn kí*, Thành Thái thứ 4 (1902), dựng tại nhà thờ họ Dương xã Ninh Phúc, huyện Yên Khánh [N0 29355].
- (82). Nguyễn Thúy Nga, *Khoa cử Việt Nam - Hường cống triều Lê*, sdd, tr.136.
- (83). *Vạn thế nhật nguyệt*, Đồng Khánh thứ 3 (1888), dựng tại văn chỉ xã Yên Vệ, huyện Yên Khánh [N0 257].